

B, ngày 28 tháng 7 năm 2020

Số: 1024/2020/QĐST-VHNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ khoản 2 Điều 396; khoản 4 Điều 397; khoản 2 Điều 149; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1576/2020/TLST-VHNGĐ, ngày 08/7/2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Người yêu cầu: **Bà Lê Thị Kiều V**, sinh năm 1986

Ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1986

Cùng địa chỉ: 97A1, Tổ 11, khu phố 12, phường A, thành phố B, Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Bà Lê Thị Kiều V và ông Nguyễn Hữu Đ thỏa thuận như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kiều V và ông Nguyễn Hữu Đ thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Phương N, sinh ngày 31/3/2011, cháu Nguyễn Ngọc Phương Ng, sinh ngày 21/9/2014. Ly hôn, bà V và ông Đ thống nhất giao 02 con chung cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Đ cấp dưỡng hàng tháng cho cháu N, cháu Ng là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng/tháng cho 02 cháu kể từ

ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực cho đến khi cháu N, cháu Ng đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Bà Lê Thị Kiều V và ông Nguyễn Hữu Đ mỗi người phải chịu 150.000đ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ bà V, ông Đ đã nộp theo biên lai thu số 0009699 ngày 03/7/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố B.

[6] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 20 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kiều V và ông Nguyễn Hữu Đ thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Phương N, sinh ngày 31/3/2011, cháu Nguyễn Ngọc Phương Ng, sinh ngày 21/9/2014 . Ly hôn, bà V và ông Đ thống nhất giao 02 con chung cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Đ cấp dưỡng hàng tháng cho cháu N, cháu Ng là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng/tháng cho 02 cháu kể từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực cho đến khi cháu N, cháu Ng đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông Đ được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền xin thay đổi vị trí nuôi con, cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Kể từ ngày bà V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Đ không cấp dưỡng nuôi con với số tiền thỏa thuận nêu trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông Đ được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết ông bà được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Bà Lê Thị Kiều V và ông Nguyễn Hữu Đ mỗi người phải chịu 150.000đ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ bà V, ông Đ đã nộp theo biên lai thu số 0009699 ngày 03/7/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố B.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THADS Tp.B;
- UBND nơi ĐKKH;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Ngọc Trí